

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HSST

Ngày 17/6/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Cạn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Đăng

2. Ông Nguyễn Viết Tác

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Đậu Xuân Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST - HS ngày 19/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST- HS ngày 03/6/2021 đối với bị cáo:

**Nông Văn T**, sinh ngày 27/3/1985

Tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

Nơi cư trú:(ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay): Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc : Tày; tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Trọng Q và bà Đặng Thị L; vợ:

Nông Thị X (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2008;

Tiền sự: Không

Tiền án: Bị cáo có 02 (Hai) tiền án; tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2015/HSST, ngày 30/10/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; và tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Nay chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/10/2020 đến ngày 22/10/2020; bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến nay (có mặt).

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**\* Bị hại:**

1. Bà Khương Thị N – sinh năm 1968. Trú tại tổ 9, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Anh Nông Văn T – sinh năm 1995. Trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đặng Thị L – sinh năm 1959. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/10/2020, Nông Văn T một mình đi bộ qua khu vực đường thuộc tổ 9, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì T phát hiện thấy tại khu vực trước thềm nhà của gia đình bà Khương Thị N có 01 chiếc điện thoại di động màu đen đặt trên thềm nhà, T nhìn xung quanh không thấy có người nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại. Sau đó T đi đến vị trí đặt chiếc điện thoại rồi dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần phía trước bên phải đang mặc trên người rồi quay ra đường thì nhìn thấy có 02 người đàn ông đang đứng nói chuyện ở phía bên đường đối diện nhà bà N, sợ bị phát hiện nên T đã nấp vào đầu hồi sát tường nhà bà N đợi đến khi 02 người đàn ông rời đi thì T tiếp tục đi bộ vào khu vực đường thuộc tổ 9, thị trấn B, huyện C rồi lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra kiểm tra thấy điện thoại không cài mật khẩu nên T truy cập vào máy xóa toàn bộ ảnh, thoát tài khoản zalo, facebook, tháo sim khỏi điện thoại rồi cất chiếc điện thoại vào túi quần. Sau đó T đi bộ xuống ngã tư Bru Điện ở tổ 2A, thị trấn B, huyện C. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì T bị Công an huyện Chợ Đồn mời lên làm việc và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình đồng thời giao nộp chiếc điện thoại mà T đã lấy trộm.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/11/2020, Nông Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19L6- 3741 từ thị trấn B về nhà ở của mình, khi đi đến khu vực dốc K, thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện ở phía bên phải đường, theo hướng di chuyển của T có 01 ngôi nhà đang xây, không có người trông coi, không có ánh sáng đèn điện nên T đã nảy sinh ý định vào nhà để tìm và lấy trộm tài sản. Sau đó T điều khiển xe mô tô đi qua ngôi nhà khoảng 10 mét rồi quay xe lại dựng xe ở lề đường và đi bộ vào trong ngôi nhà. Do lúc này trời đã tối nên T sử dụng chiếc bật lửa ga mang theo bật sáng lên để soi đường đi vào trong nhà tìm kiếm và lấy trộm 01 cuộn dây điện có đầu nối với 01 phích cắm điện, 01 đui bóng và 01 bóng đèn điện đặt ở chân tường nhà đối diện với cửa ra vào chính của ngôi nhà rồi cho vào trong áo phía trước ngực. Sau đó T tiếp tục tìm kiếm tài sản khác để lấy trộm thì anh Nông Văn T là chủ sở hữu của ngôi nhà mang theo đèn pin soi sáng đi vào nhà nên T đã tắt bật lửa rồi trèo qua cửa sổ ở khu vực bếp ra ngoài và nấp vào gốc cây quýt. Còn anh T sau khi đi vào trong nhà kiểm tra không phát hiện thấy gì bất thường nên đi về, khi đang quay ra cửa thì nghe thấy có tiếng động phát ra từ khu vực vườn quýt ngoài nhà nên đã đi đến để kiểm tra thì phát hiện Nông Văn T cùng cuộn dây điện T vừa trộm cắp được nên

anh Tiến đã giữ T lại và gọi điện thoại cho Công an xã P đến lập biên bản sự việc và tạm giữ tài sản mà T lấy trộm được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: “*Giá trị của 01 chiếc điện thoại SamSung Galaxy S7, vỏ màu đen tại thời điểm tháng 10 năm 2020 có giá trị là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*”

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL- HĐĐGTS ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: “*01 đoạn dây điện có chiều dài 9,75m, nhãn hiệu NISHAN 2c x 0,75mm có giá trị tại thời điểm ngày 15/11/2020 là 48.750đ (Bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng); 01 phích cắm điện nhãn hiệu Vonta 10A- 250V có giá trị tại thời điểm ngày 15/11/2020 là 5000đ (Năm nghìn đồng); 01 bóng đèn nhãn hiệu KAWACHI loại 40W có giá trị tại thời điểm ngày 15/11/2020 là 75.000đ (Bảy mươi năm nghìn đồng) và 01 đui bóng đèn loại xoắn nhãn hiệu SOPOKA có giá trị tại thời điểm ngày 15/11/2020 là 2.500đ (Hai nghìn năm trăm đồng). Tổng giá trị tài sản định giá là 131.250 đồng (Một trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).*”

Ngày 19/10/2020, Nông Văn T có hành vi lấy trộm 01 chiếc điện thoại có giá trị 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), tuy nhiên do trước đó ngày 20/9/2018, bị Tòa án nhân huyện Chợ Đồn tuyên phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST (*Trong bản án này T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm*) đến ngày 12/6/2019 thì chấp hành án xong trở về địa phương, đến nay chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này của T thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Ngày 15/11/2020, T tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm tài sản dưới 02 triệu đồng nhưng do đang có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích {theo bản Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn} nên hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7 màu đen, có ốp nhựa màu đen, màn hình cảm ứng, có số IMEI: 355504074399041/01, điện thoại không lắp thẻ sim, đã qua sử dụng; 01 thẻ sim có chữ Viettel và các dãy số 8984; 04800; 00076; 60958.

Đối với 01 đoạn dây điện có chiều dài 9,75 mét, có vỏ màu vàng, nhãn hiệu NISHAN 2c x 0,75 mm<sup>2</sup>, một đầu được gắn phích cắm điện có vỏ bằng nhựa màu trắng, nhãn hiệu Vonta 10A- 250V, đầu còn lại gắn vào một đui bóng đèn (loại đui xoắn, nhãn hiệu SOPKA) và bóng đèn loại 40W, màu trắng, nhãn hiệu KAWACHI; tại vị trí tiếp giáp giữa dây điện và phần đui bóng đèn được cuộn một túi nilon màu hồng. Tại vị trí đoạn dây cách phích cắm 4,90 mét phần vỏ dây điện màu vàng đã bị rách để lộ ra hai dây điện bọc nhựa được đấu nối và cuộn lại bằng túi nilon màu xanh, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xét thấy không cần tiếp tục tạm giữ và việc trả lại vật chứng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại toàn bộ các tài sản trên cho chủ sở hữu là bà Khương Thị N và anh Nông Văn T.

Đối với số vật chứng còn lại gồm 01 chiếc ví da màu nâu đen, trên ví có chữ

COLLECTION LAO YE CHE; 01 chiếc bật lửa có vỏ bằng nhựa màu xanh- đen (loại bật lửa gas, đã qua sử dụng) hiện đang được bảo quản theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2021 giữa Công an huyện Chợ Đồn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Khương Thị N và anh Nông Văn T đã nhận lại tài sản do Nông Văn T lấy trộm và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L là người đã cho Nông Văn T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 19L6- 3741 vào ngày 15/11/2020. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định bà L không biết việc sử dụng chiếc xe mô tô vào việc trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Tại bản cáo trạng số 21/CT - VKSCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên tòa đọc bản luận tội: Đề nghị giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản” áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt từ 30 tháng đến 36 tháng tù (Được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/10/2020 đến ngày 22/10/2020). Thời hạn tù được tính kể từ ngày 08/3/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173/BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Khương Thị N và anh Nông Văn T không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS. Đối với 01(Một) chiếc ví da là tài sản của bị cáo nhưng bị cáo không yêu cầu trả lại đề nghị tịch thu tiêu hủy; 01(Một) chiếc bật lửa là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136/BLTTHS điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, và đơn xin miễn án phí của bị cáo đề nghị cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Nông Văn T tại phiên tòa: Bị cáo có ý kiến mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù là cao, ngoài ra bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm. Bị cáo không có ý kiến bổ sung lời bào chữa của người bào chữa. Kiểm sát viên có ý kiến tranh luận giữ nguyên quan điểm đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù là phù hợp. Kiểm sát viên và người bào chữa có ý kiến tranh luận, và giữ nguyên mức hình phạt tù đã đề nghị đối với bị cáo.

Ý kiến của bà Khương Thị N tại phiên tòa: bà Ngọc không có ý kiến tranh luận; về hình phạt bà đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Anh Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tuy nhiên, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến về hình phạt đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Ý kiến của bà Đặng Thị L tại phiên tòa: Bà L không có ý kiến tranh luận, tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 19L6- 3741 cho bị cáo mượn vào ngày 15/11/2020 bị thu giữ nhưng bà đã nhận được chiếc xe, nên bà không có ý kiến gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đọc bản luận cứ: Việc điều tra, truy tố, xét xử Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm g, h Điều 52/BLHS đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 28 đến 32 tháng tù (Được trừ đi số ngày bị cáo đã bị tạm giữ). Thời hạn tù được tính từ ngày 08/3/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 2 Điều 50 và khoản 5 Điều 173/BLHS.

Về Trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số vật chứng là 01(Một) chiếc ví da, bị cáo không yêu cầu lấy lại; và 01(Một) chiếc bật lửa là phương tiện phạm tội.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136/BLTTHS điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Đơn xin miễn án phí của bị cáo đề nghị cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Anh Nông Văn Tiến vắng mặt tại phiên tòa: Nhưng bị cáo, người bào chữa, bà Khương Thị N không ai có ý kiến và không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung phần thủ tục phiên tòa, đối với anh Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên cần công bố lời khai của họ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc. Là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nông Văn T tại phiên tòa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, như các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng vụ án, kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/10/2020, Nông Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại SamSung Galaxy S7 có giá trị 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) của bà Khương Thị Ngọc.

Đến khoảng 19 giờ 17 phút ngày 15/11/2020, Nông Văn T tiếp tục có hành vi trộm cắp 9,75 mét dây điện cùng 01 phích cắm điện, 01 bóng đèn điện nhãn hiệu KAWACHI, 01 đui bóng đèn điện có tổng giá trị 131.250 đồng (*Một trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) của gia đình anh Nông Văn Tiến.

Bị cáo 02 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là bà Khương Thị N và anh Nông Văn T có tổng giá trị là 2.881.250đ (*hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Xét ngày 15/11/2020, bị cáo lại tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm tài sản dưới 2 (Hai) triệu đồng nhưng do bị cáo đang có 01(Một) tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” của bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, hành vi của bị cáo thực hiện trộm cắp tài ngày 15/11/2020 do trước đó đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nên lần thực hiện trộm cắp tài ngày 15/11/2020 đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét ngày 19/10/2020, bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại có giá trị là: 2.750.000đ, (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng do trước đó tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Nông Văn T 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (*Trong bản án này T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm*) đến nay chưa được xóa án tích. Nên, lần phạm tội này vào ngày 19/10/2020 của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b). *Đã bị kết án về tội này ... chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) *Tái phạm nguy hiểm...*

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Về nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Trước 02 lần bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có 2 tiền án chưa được xóa án tích và hiện nay bị cáo sử dụng ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo thực hiện 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng trách nhiệm hình sự đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Đối với hành vi phạm tội ngày

15/11/2020, T có hành vi lén lút lấy trộm tài sản dưới 02 triệu đồng nhưng do đang có 1 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích {theo bản Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn} nên hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự, tuy nhiên do bị cáo có 01 tiền án về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo bản án hình sự sơ thẩm số 58/2015/HSST ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*”. Do đó bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với hành vi phạm tội ngày 15/11/2020 là thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Ngoài ra bị cáo có mẹ đẻ là bà Đặng Thị L được Bộ Giáo dục đào tạo tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục và có ông nội là Nông Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật cần áp dụng mức hình phạt tù để bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố như bản cáo trạng là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện : Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định , thuộc hộ cận nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Khương Thị N và anh Nông Văn T đều không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7 màu đen, có ốp nhựa màu đen, màn hình cảm ứng, 01 thẻ sim có chữ Viettel; do bị cáo lấy trộm ngày 19/10/2020 và bị thu giữ nhưng ngày 20/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã trả lại cho bà Khương Thị Ngọc chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật.

Đối với 01(Một) đoạn dây điện có chiều dài 9,75 mét; 01(Một) phích cắm điện ;01 (Một) bóng đèn loại 40W; 01(Một) đuôi bóng đèn đã qua sử dụng. Do bị cáo lấy

trộm ngày 15/11/2020 và bị thu giữ nhưng ngày 22/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã trả lại cho anh Nông Văn T chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 19L6-3741 là của bà Đặng Thị L cho Nông Văn T mượn vào ngày 15/11/2020. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định bà L không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô vào việc trộm cắp tài sản nên ngày 22/4/2021 Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã trả lại cho Đặng Thị L chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật.

Đối với 01 chiếc ví da là tài sản của bị cáo tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc bật lửa bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với bà Đặng Thị L là người đã cho Nông Văn T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 19L6- 3741 vào ngày 15/11/2020. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bà L không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô vào việc trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do vậy, cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố :** Bị cáo Nông Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

**2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.**

**Xử phạt :** Bị cáo Nông Văn T : 32 (Ba mươi hai) tháng tù. (được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/10/2020 đến ngày 22/10/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/3/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173/BLHS.

**3. Trách nhiệm dân sự :** Các bị hại không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

**4. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01(Một) chiếc ví da màu nâu đen, trên ví có chữ COLLECTION LAO YE CHE và (Một) 01 chiếc bật lửa có vỏ bằng nhựa màu xanh-đen (loại bật lửa gas, đã qua sử dụng).

*(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).*

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và đơn xin miễn án phí của bị cáo. Bị cáo được miễn 200.000đ, *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.



**6. Xử án công khai sơ thẩm:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Nông Văn Tiến vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND Chợ Đồn;
- Công an Chợ Đồn;
- THADS Chợ Đồn;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Duy Cạn**

